

Phong Thổ, ngày 10 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; Dự toán thu và phân bổ dự toán chi NSDP năm 2021

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 01/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 01/7/2020 về phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ số liệu dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

UBND huyện Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSDP năm 2020, Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi NSDP năm 2021 như sau:

Phần thứ nhất

CÔN KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSDP NĂM 2020

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2020

Dự toán thu ngân sách địa phương HĐND huyện giao năm 2020 là 991.009 triệu đồng, thực hiện 11 tháng 991.832 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 1.002.469 triệu đồng, tăng 11,84% so với dự toán tỉnh giao, tăng 1,16% so với dự toán HĐND huyện giao và tăng 10,81% so với thực hiện năm 2019.

Nếu loại trừ số thu trên địa bàn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hưởng thì thực chất tổng thu ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện cả năm đạt 998.469 triệu đồng, tăng 11,08% so với dự toán tỉnh giao, cụ thể:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Dự toán HĐND huyện giao 36.486 triệu đồng, Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 44.309 triệu đồng, đạt 121,44% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm 47.946 triệu đồng, đạt 132,81% so với dự toán tỉnh giao và đạt 113,69% với dự toán HĐND huyện giao và tăng 13,69% so với thực hiện năm 2019. Trong đó:

- Ngân sách huyện hưởng bao gồm thu tiền sử dụng đất, số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 41.720 triệu đồng, đạt 125,72% so với dự toán HĐND huyện

giao, Ước thực hiện cả năm 43.946 triệu đồng, đạt 132,42% so với dự toán HĐND huyện giao và tăng 14,95% so với thực hiện năm 2019.

- Ngân sách huyện hưởng không bao gồm thu tiền sử dụng đất, số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 37.315 triệu đồng, đạt 131,92% so với dự toán HĐND huyện giao, Ước thực hiện cả năm 39.046 triệu đồng, đạt 138,04% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 24,53% so với thực hiện năm 2019.

Cụ thể tại các sắc thuế sau:

1. Thu thuế từ ngoài quốc doanh:

Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 24.676 triệu đồng, đạt 140,68% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm đạt 25.000 triệu đồng, đạt 142,82% so với dự toán tỉnh giao, đạt 142,53% so với dự toán HĐND huyện giao.

3. Lệ phí trước bạ:

Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 6.964 triệu đồng, đạt 139,28% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm 7.000 triệu đồng, đạt 140% so với dự toán HĐND huyện giao và dự toán tỉnh giao.

4. Thuế Thu nhập cá nhân:

Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 1.595 triệu đồng, đạt 113,93% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm 1.600 triệu đồng, đạt 114,29% so với dự toán HĐND huyện giao và dự toán tỉnh giao.

5. Phí, lệ phí:

Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 831 triệu đồng, đạt 58,85% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm 1.412 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao, đạt 117,67% so với dự toán tỉnh giao. (Trong đó: Ngân sách trung ương hưởng: 200 triệu đồng; Ngân sách huyện hưởng: 1.212 triệu đồng).

6. Thu tiền sử dụng đất:

Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 6.293 triệu đồng, đạt 89,9% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm 7.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao và dự toán tỉnh giao (trong đó: ngân sách tỉnh hưởng 2.100 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng 4.900 triệu đồng).

7. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước:

Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 2.075 triệu đồng, đạt 207,5% so với dự toán HĐND giao. Ước thực hiện cả năm 2.100 triệu đồng, đạt 210% so với dự toán HĐND huyện giao và dự toán tỉnh giao.

8. Thu khác ngân sách:

Số thực hiện đến thời điểm báo cáo: 1.875 triệu đồng, đạt 59,83% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm 3.834 triệu đồng, đạt 122,34% so với dự toán HĐND huyện giao và đạt 127,8% so với dự toán tỉnh giao. (Trong

đó: Ngân sách trung ương hưởng: 700 triệu đồng; ngân sách tỉnh hưởng: 1.000 triệu đồng; ngân sách huyện hưởng: 2.134 triệu đồng).

II. THU TRỢ CẤP TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH:

Ước thực hiện cả năm 860.276 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao và dự toán tỉnh giao.

1. Thu trợ cấp cân đối theo dự toán:

Ước thực hiện 560.911 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND giao.

2. Thu bổ sung có mục tiêu, mục tiêu quốc gia:

Ước thực hiện 299.365 triệu đồng, đạt 100% so với so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó số thu phát sinh tăng so với Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 01/7/2020 của HĐND huyện về việc phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu, chi NSDP năm 2020 với tổng số tiền: 27.792 triệu đồng, bao gồm:

- Kinh phí khắc phục hậu quả do thiên tai: 8.862 triệu đồng.
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho học sinh bán trú: 4.000 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP giai đoạn 2017-2020: 2.736 triệu đồng.
- Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ phát sinh; thực hiện thường công trình phúc lợi và hỗ trợ kinh phí cho các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 và phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư năm 2019 còn dư chuyển nguồn sang năm 2020 với số tiền 5.963 triệu đồng, bao gồm:

+ Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn năm 2020: 2.900 triệu đồng.

+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ diễn tập phòng thủ khu vực năm 2019: 2.100 triệu đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020: 500 triệu đồng.

+ Kinh phí giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án Lramp): 463 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo ND 108 với số tiền 566 triệu đồng.

- Kinh phí mua ô tô với số tiền 1.100 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện Chương trình 135 (vốn sự nghiệp): 4.565 triệu đồng.

III. THU CHUYỂN NGUỒN NĂM 2019 SANG NĂM:

- Thực hiện 50.071 triệu đồng.

IV. THU KẾT DỰ NGÂN SÁCH NĂM 2019:

- Thực hiện 44.176 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu số 01 đính kèm)

B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2020

Tổng chi ngân sách ước thực hiện là: 981.782 triệu đồng, đạt 99,4% so với dự toán HĐND huyện giao.

I. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH:

Ước thực hiện 590.408 triệu đồng, đạt 99,38% dự toán HĐND huyện giao, chi thiết như sau:

1. Chi đầu tư phát triển:

Ước thực hiện 24.993 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao, bao gồm:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: Ước thực hiện 20.093 triệu đồng, đạt 100% so với so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 7.000 triệu đồng, đạt 100% so với so với dự toán HĐND huyện giao (*Ngân sách huyện hưởng 4.900 triệu đồng*).

 - + *Chi đầu tư cơ sở hạ tầng: 2.020 triệu đồng.*

 - + *Chi thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hàng năm ước thực hiện: 2.880 triệu đồng.*

2. Chi thường xuyên:

Ước thực hiện 459.262 triệu đồng, đạt 99,2% dự toán HĐND huyện giao. Cụ thể là:

- Chi sự nghiệp kinh tế:

Ước thực hiện là 23.479 triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao. Nhìn chung cơ bản đã đảm bảo kinh phí hoạt động của các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, các hoạt động kiến thiết thị chính, thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao và một số nhiệm vụ phát sinh khác trong năm (*Đối với lĩnh vực nông nghiệp đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp; đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách miễn thuỷ lợi phí; đảm bảo kinh phí duy tu bảo dưỡng các công trình thuỷ lợi để phục vụ sản xuất; kinh phí đảm bảo giao thông phục vụ cho việc lưu thông hàng hoá, đi lại cho nhân dân; công tác vệ sinh môi trường và chăm sóc, cắt tỉa cây xanh*).

 - Chi sự nghiệp giáo dục & Đào tạo:

Ước thực hiện là 354.675 triệu đồng, đạt 99,08% so với dự toán HĐND huyện giao. Nhìn chung đã đáp ứng được nhiệm vụ dạy và học của sự nghiệp Giáo dục và đáp ứng trang thiết bị dạy học thiết yếu và đảm bảo thực hiện đầy đủ chính sách chế độ cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn huyện. Đảm bảo kinh phí cho nhiệm vụ mở lớp của trung tâm Bồi dưỡng chính trị, các lớp tập huấn, đào tạo nghề lao động nông thôn và thực hiện đầy đủ chính sách thu hút, hỗ trợ đi học theo quy định của UBND tỉnh Lai Châu.

 - Sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục - thể thao:

Ước thực hiện là 2.396 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao. Đã góp phần đưa các phong trào văn hoá nghệ thuật về cơ sở, vùng sâu, vùng xa thuộc các xã trong huyện, tuyên truyền các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mọi người dân, hỗ trợ tổ chức các lễ hội đảm bảo hoạt động thể thao thường xuyên trên địa bàn huyện.

- Chi phát thanh truyền hình:

Ước thực hiện là 4.516 triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao. Cơ bản đã đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động phát thanh truyền hình trên địa bàn huyện, đáp ứng công tác tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

- Chi đảm bảo xã hội:

Ước thực hiện là 8.863 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao. Đã giải quyết cơ bản các chính sách an sinh xã hội như: Chính sách trợ giúp thường xuyên các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP; thăm hỏi các gia đình đối tượng chính sách... góp phần ổn định chính trị, xã hội của địa phương.

- Chi quản lý hành chính:

Ước thực hiện là 39.794 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao. Cơ bản đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn huyện.

- Chi Quốc phòng - An ninh:

Ước thực hiện là 8.844 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao. Đã đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng địa phương, tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ, tập huấn công an viên... đảm bảo quốc phòng - trật tự an ninh xã hội trên địa bàn huyện.

- Chi khác ngân sách: Ước thực hiện là 3.405 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Kinh phí sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị để tổ chức Đại hội Đảng các cấp: Ước thực hiện 13.290 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao.

3. Chi dự phòng ngân sách huyện:

Tổng số kinh phí dự phòng ngân sách HĐND huyện giao năm 2020 là: 5.780 triệu đồng, (*Không bao gồm nguồn dự phòng ngân sách xã: 1.565 triệu đồng*). Số kinh phí đã được phân bổ là 5.780 triệu đồng.

- chi hỗ trợ cho các hợp tác xã, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra: 3.702 triệu đồng.

- Hỗ trợ di dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở trên địa bàn xã Bản Lang: 100 triệu đồng.

- Hỗ trợ hộ nghèo bị thiệt hại do thiên tai gây ra: 727 triệu đồng.

- Hỗ trợ thiệt hại, mua hóa chất, vật tư, thiết bị, dụng cụ để phòng chống Dịch tả lợn Châu phi trên địa bàn huyện với số tiền là 394 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí mua vắc xin, vật tư trang thiết bị phòng chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm và vật nuôi trên địa bàn: 374 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí mua hóa chất thực hiện tiêu độc khử trùng năm 2020: 483 triệu đồng.

4. Chi ngân sách xã, ước thực hiện 10.373 triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao. Cơ bản đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn xã, thị trấn.

II. CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU:

Ước thực hiện 94.471 triệu đồng, đạt 99,3% so với dự toán HĐND huyện giao. Bao gồm:

1. Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội: Ước thực hiện 42.738 triệu đồng, đạt 98,46% so với dự toán giao.

2. Kinh phí thực hiện các đề án, Nghị quyết của tỉnh: Ước thực hiện 36.575 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác: Ước thực hiện 15.158 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

III. CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA:

Dự toán giao 204.226 triệu đồng. Ước thực hiện 203.326 triệu đồng, đạt 99,56% so với dự toán giao. Bao gồm:

1. Kinh phí thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững:

Dự toán giao 88.928 triệu đồng, Ước thực hiện: 88.928 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới: Dự toán giao 115.298 triệu đồng, Ước thực hiện 114.398 triệu đồng, đạt 99,22% so với dự toán giao.

(Nguyên nhân không thực hiện giải ngân được kinh phí thực các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 24/7/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 số tiền 900 triệu đồng, là do các hợp tác xã trên địa bàn huyện không đủ tiêu chí để hưởng chính sách hỗ trợ).

V. CHI TỪ NGUỒN CHUYỂN NGUỒN, KẾT QUẢ: Ước thực hiện 93.577 triệu đồng, đạt 99,29% so với dự toán. (Kinh phí thực các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 24/7/2018 và

Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 số tiền 670 triệu đồng, không thực hiện giải ngân được là do các hợp tác xã trên địa bàn huyện không đủ tiêu chí để hưởng chính sách hỗ trợ).

(Chi tiết theo biểu số 02)

Phần thứ hai

CÔNG KHAI DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSDP NĂM 2021

A. DỰ TOÁN THU NSDP VÀ GIAO DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 là 642.003 triệu đồng. (*Đã loại trừ số thu trên địa bàn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hưởng*)

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu NSNN trên địa bàn 48.709 triệu đồng. (*Trong đó ngân sách huyện hưởng: 41.766 triệu đồng*).

Phân bổ dự toán thu năm 2021 theo nguồn thu:

1. Thuế ngoài quốc doanh: Dự toán 19.090 triệu đồng.

2. Lệ phí trước bạ: Dự toán 3.500 triệu đồng.

3. Thuế Thu nhập cá nhân: Dự toán 1.200 triệu đồng.

4. Phí, lệ phí: Dự toán 1.397 triệu đồng (*Trong đó: Ngân sách TW hưởng: 200 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng: 1.197 triệu đồng*).

5. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán 19.143 triệu đồng (*Trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng: 5.743 triệu đồng; ngân sách huyện hưởng: 13.400 triệu đồng*).

6. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán 1.300 triệu đồng

7. Thu khác ngân sách: Dự toán 3.079 triệu đồng. (*Trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng: 1.000 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng: 2.079 triệu đồng*).

II. THU TRỢ CẤP TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH: 600.237 triệu đồng *(Đã triệt tiêu phần thu chuyển giao của ngân sách cấp xã).*

1. Thu cân đối ngân sách: 532.306 triệu đồng.

2. Thu bổ sung có mục tiêu: 67.931 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu số 03 đính kèm)

B. DỰ TOÁN CHI VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021:

Tổng chi ngân sách địa phương là: 642.003 triệu đồng (*Chi cân đối ngân sách địa phương*), bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán 40.421 triệu đồng.

- Chi XDCB tập trung: 27.021 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 13.400 triệu đồng (*Trong đó: Chi đầu tư: 11.700 triệu đồng; Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê đất đai, lập kế*

hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; lập quy hoạch sử dụng đất; Căm mốc phạm vi thu hồi đất khu trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ: 1.700 triệu đồng).

2. Chi thường xuyên và chương trình có mục tiêu: Dự toán 594.545 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế: Dự toán 73.436 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Dự toán 369.010 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: Dự toán 3.080 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: Dự toán 837 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình: Dự toán 3.202 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội: Dự toán 11.019 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính: Dự toán 114.036 triệu đồng (*Cơ bản đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan Đảng, đoàn thể và các đơn vị quản lý nhà nước khôi huyện và UBND các xã, thị trấn và kinh phí bầu cử HĐND các cấp*).
- Chi Quốc phòng - An ninh: Dự toán 15.764 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách: Dự toán 3.795 triệu đồng.
- Chênh lệch tăng thu giữa dự toán tỉnh giao với dự toán Địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi: 366 triệu đồng. (*Số thu huyện giao thu tăng so với dự toán tỉnh giao*).

3. Chi dự phòng ngân sách: Dự toán 7.037 triệu đồng (Dự phòng ngân sách huyện: 5.387 triệu đồng, dự phòng ngân sách xã: 1.650 triệu đồng).

(Chi tiết theo các biểu số 04)

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021, cần quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh, huyện trong đó tập trung thực hiện các giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí. Cải cách hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế, mở rộng thực hiện hóa đơn điện tử, kết nối thông tin với Ngân hàng thương mại và KBNN để quản lý thu thuế hiệu quả, đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế.

2. Đẩy mạnh các hình thức huy động vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã. Quan tâm thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch. Chú trọng phát triển hệ thống chợ phiên, chợ biên giới. Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, xây dựng điểm du lịch, xây dựng NTM gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn các xã.

3. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn các dự án trên địa bàn, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế

tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ nhằm tập trung tối đa số thu ngân sách nhà nước.

4. Tổ chức triển khai thực hiện ngay từ đầu năm công tác thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu trên địa bàn, nâng cao trách nhiệm và quyền chủ động của chính quyền các cấp trong chỉ đạo điều hành quản lý thu ngân sách trên địa bàn, trong đó tiếp tục tập trung vào khai thác nguồn thu từ sản xuất thủy điện.

5. Quan tâm công tác quản lý tài sản công, san gạt mặt bằng tạo quỹ đất, quản lý sử dụng đất đai từ khâu quy hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, chuyển nhượng đất đai để quản lý và thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định, nhất là các khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo tránh thất thoát, lãng phí tài sản công.

6. Tăng cường công tác quản lý thu, tiếp tục sự phối hợp giữa các cơ quan thu, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, tăng cường công tác kiểm tra thuế và hoàn thuế; cương quyết áp dụng các biện pháp xử lý và cưỡng chế nợ thuế đối với những doanh nghiệp, tổ chức cá nhân chây Ý nộp thuế; thu hồi số thuế nợ đọng từ các năm trước.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Quản lý chặt chẽ chi NSNN ngay từ khâu lập dự toán để tổ chức thực hiện. Thực hiện nghiêm các quy định về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền. Ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ về quốc phòng - an ninh, các nhiệm vụ thực hiện 02 chương trình trọng điểm theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

1. Rà soát các vướng mắc trong quá trình thực hiện để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, hạn chế làm chậm tiến độ và bị cắt giảm nguồn vốn.

2. Các đơn vị dự toán khối huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách. Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý thu, chi ngân sách từ khâu lập dự toán, phân bổ sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí và vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ các mục tiêu, hiệu quả sử dụng các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện rà soát, phân bổ các khoản chi theo hướng ưu tiên đảm bảo chi thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành cho con người, chi an sinh xã hội; bố trí chi cho các lĩnh vực giáo dục & đào tạo và các chính sách theo đề án, Nghị quyết Đảng bộ, HĐND các cấp quyết định.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các đơn vị, ban, ngành, đoàn thể góp phần thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và phát hiện ngăn chặn kịp thời những sai phạm tiêu cực trong quản lý Tài chính - ngân sách. Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội nhất là đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán NSDP năm 2020; Dự toán và phân bổ dự toán NSDP năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND huyện (B/c);
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Bảo Trung

BIỂU THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 2505/BC-UBND ngày 20/12/2020 của UBND huyện Phong Thô)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu tỉnh giao	Dự toán thu huyện giao	Số thực hiện đến thời diểm báo cáo	Ước thực hiện cả năm	So sánh (%)				Ghi chú
						Số TH đến thời diểm/HĐND giao	Ước TH cả năm/tỉnh giao	Ước TH cả năm /HĐND giao	Ước TH năm 2020/TH năm 2019	
A	B	2	3	5			8	9	10	
	CỘNG	896.376	991.009	998.832	1.002.469	100,79	111,84	101,16	110,81	
	Trong đó: Ngân sách huyện hường (I.I+II+III)	893.076	987.709	996.243	998.469	100,86	111,80	101,09	110,85	
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	36.100	36.486	44.309	47.946	121,44	132,81	131,41	113,69	
I.I	Trong đó: Ngân sách huyện hường	32.800	33.186	41.720	43.946	125,72	133,98	132,42	114,95	
*	Ngân sách huyện hường khi loại trừ thu tiền sử dụng đất	27.900	28.286	37.315	39.046	131,92	139,95	138,04	124,53	
1	Thuế ngoài quốc doanh	17.500	17.540	24.676	25.000	140,68	142,86	142,53	121,34	
2	Lệ phí trước bạ	5.000	5.000	6.964	7.000	139,28	140,00	140,00	118,95	
3	Thuê thu nhập cá nhân	1.400	1.400	1.595	1.600	113,93	114,29	114,29	171,01	
4	Phi, lệ phí	1.200	1.412	831	1.412	58,85	117,67	100,00	123,43	
	- Phi, lệ phí trung ương hường	200	200	17	200	8,50	100,00	100,00	588,24	
	- Phi, lệ phí địa phương	1.000	1.212	814	1.212	67,16	121,20	100,00	109,19	
5	Thu tiền sử dụng đất	7.000	7.000	6.293	7.000	89,90	100,00	100,00	71,48	
	- Ngân sách tỉnh hường	2.100	2.100	1.888	2.100	89,90	100,00	100,00	71,97	
	- Ngân sách huyện hường	4.900	4.900	4.405	4.900	89,90	100,00	100,00	71,27	
6	Tiền thuê đất, mảnh nước	1.000	1.000	2.075	2.100	207,50	210,00	210,00	407,77	
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.134	1.875	3.834	59,83	127,80	122,34	116,29	
	- Ngân sách TW hường			582	700					
	- Ngân sách tỉnh hường	1.000	1.000	102	1.000	10,20	100,00	100,00	100,91	
	- Ngân sách địa phương hường	2.000	2.134	1.191	2.134	55,81	106,70	100,00	92,54	
II	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	860.276	860.276	860.276	860.276	100,0	100,00	100,00	110,60	
1	Thu bổ sung cân đối	560.911	560.911	560.911	560.911	100,0	100,00	100,00	112,97	
2	Thu bổ sung có mục tiêu, MTQG	299.365	299.365	299.365	299.365	100,0	100,00	100,00	106,41	
III	Thu từ nguồn chuyển nguồn, kết dư		94.247	94.247	94.247	100,0		100,00	111,37	
1	Thu từ nguồn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020		50.071	50.071	50.071	100,0		100,00	112,01	
2	Thu từ nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2019		44.176	44.176	44.176	100,0		100,00	110,64	

BIỂU THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 2505 /BC-UBND ngày 10/12/2020 của UBND huyện Phong Thô)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước TH cả năm	So Sánh (%)
	TỔNG CỘNG (A+B)	987.709	981.782	99,40
A	CHI CÂN ĐÓI NSDP	594.097	590.408	99,38
I	Chi Đầu tư phát triển	24.993	24.993	100,00
1	Chi XDCB tập trung	20.093	20.093	100,00
-	Chi xây dựng cơ bản tập trung	20.093	20.093	100,00
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.900	4.900,0	100,00
2.1	Chi đầu tư	2.020	2.020,0	100,00
2.2	Chi thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; lập quy hoạch sử dụng đất; Cắm mốc phạm vi thu hồi đất khu trung tâm thị trấn huyện Phong Thô	2.880	2.880,0	100,00
II	Chi thường xuyên	462.951	459.262	99,20
1	Sự nghiệp kinh tế	23.479	23.479	100,00
2	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	357.978	354.675	99,08
3	Sự nghiệp Văn hóa - Thể dục Thể thao	2.396	2.396	100,00
4	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	4.516	4.516	100,00
5	Đảm bảo xã hội	8.863	8.863	100,00
6	Quản lý hành chính	39.794	39.794	100,00
7	Chi an ninh - Quốc phòng	8.844	8.844	100,00
8	Chi khác ngân sách	3.405	3.405	100,00
9	Chênh lệch dự kiến tăng thu giữa dự toán tinh giao với dự toán Địa phương giao chưa bù trừ nhiệm vụ chi (<i>Huyện giao thu cao hơn ngân sách huyện hưởng so với dự toán tinh giao</i>)	386	-	-
10	Kinh phí sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị để tổ chức Đại hội Đảng các cấp	13.290	13.290	100,00
III	Dự phòng ngân sách huyện	5.780	5.780	100,00
IV	Chi ngân sách xã, trong đó:	100.373	100.373	100,00
-	<i>Trong đó: Dự phòng ngân sách xã</i>	<i>1.565</i>	<i>1.565</i>	<i>100,00</i>
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	95.139	94.471	99,30
I	Kinh phí thực hiện các chính sách	43.406	42.738	98,46
1	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	3.216	2.553	79,37
2	Kinh phí thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu (Vốn đầu tư: Thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt)	1.728	1.728	100,00
3	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	3.100	3.100	100,00

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước TH cả năm	So Sánh (%)
4	Kinh phí thực hiện Chính sách miễn thuỷ lợi phí	2.062	2.062	100,00
5	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	1.594	1.594	100,00
6	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ dịch Covid-19	24.873	24.873	100,00
7	Kinh phí thực hiện hỗ trợ thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi gây ra	2.623	2.623	100,00
8	Kinh phí thực hiện chính sách tịnh giản biên chế theo ND 108	908	903	99,45
9	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP giai đoạn 2017-2020	2.736	2.736	100,00
10	Kinh phí thực hiện chính sách tịnh giản biên chế theo ND 108	566	566	100,00
II	Kinh phí thực hiện các đề án, Nghị quyết của tỉnh	36.575	36.575	100,00
1	Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015-2020	5.219	5.219	100,00
2	Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND	7.000	7.000	100,00
3	Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ phát sinh năm 2019; thực hiện thường công trình phúc lợi và hỗ trợ kinh phí cho các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 và phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư năm 2019 còn dư chuyển nguồn sang năm 2020	5.963	5.963	100,00
4	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục vùng Đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND; nâng cấp sửa chữa trường bán trú, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và khắc phục phòng học tạm; kinh phí lắp đặt mua sắm phông rèm, mua sắm trang thiết bị trường học theo đề án đổi mới căn bản giáo dục.	14.000,0	14.000,0	100,00
5	Kinh phí đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	30	30	100,00
6	Kinh phí thực hiện Đề án, nghị quyết của HĐND tỉnh	4.363	4.363	100,00
-	Sửa chữa nhà vệ sinh công cộng xã Mường So	30	30,0	100,00
-	Xây dựng các điểm rừng chân tại chân thác Tình yêu và thác Trái tim xã Sin Suối Hồ	200	200,0	100,00
-	Kinh phí thực hiện Nghị Quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh	4.133	4.133,0	100,00
+	<i>Hỗ trợ giống lúa thuần</i>	63	63,0	100,00
+	<i>Hỗ trợ giống ngô lai</i>	1.223	1.223,0	100,00
+	<i>Hỗ trợ vôi cải tạo đất ruộng</i>	41	41,0	100,00
+	<i>Hỗ trợ máy làm đất</i>	1.000	1.000,0	100,00
+	<i>Hỗ trợ phát triển cây ăn quả tập trung và cải tạo vườn tạp</i>	502	502,0	100,00
+	<i>Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi</i>	1.304	1.304,0	100,00
III	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác	15.158	15.158	100,00
1	Kinh phí khắc phục hậu quả do thiên tai	8.862	8.862	100,00
2	Hỗ trợ kinh phí quang thông tầm nhìn đường tuần tra biên giới	932	932	100,00

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước TH cả năm	Số Sách (%)
3	Hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường tuần tra biên giới	264	264	100,00
4	Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho học sinh bán trú	4.000	4.000	100,00
5	Kinh phí mua ô tô	1.100	1.100	100,00
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	204.226	203.326	99,56
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	88.928	88.928	100,00
1	Vốn đầu tư	71.573	71.573	100,00
-	Dự án 1 (Chương trình 30a)	54.566	54.566	100,00
-	Dự án 2 (Chương trình 135)	17.007	17.007	100,00
2	Vốn sự nghiệp	17.355	17.355	100,00
-	Chương trình 30a	12.790	12.790	100,00
-	Chương trình 135	4.565	4.565	100,00
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	115.298	114.398	99,22
1	Vốn đầu tư	92.860	91.960	99,03
-	Vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	67.390	67.390	100,00
-	Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018	24.570	24.570	100,00
-	Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 24/7/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014	900	-	-
2	Vốn sự nghiệp	22.438	22.438	100,00
-	Kinh phí hoạt động quản lý chương trình	400	400	100,00
+	Cấp huyện	220	220	100,00
+	Cấp xã	180	180	100,00
-	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn	619	619	100,00
	Các nội dung còn lại thực hiện Chương trình: (Thực hiện các nội dung chương trình trên địa bàn, bao gồm cả chương trình OCOP, Quyết định 643/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh (triển khai Quyết định số 1385/QĐ-TTg) và xây dựng bản NTM gắn với du lịch nông thôn và các nội dung khác theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC và Thông tư số 08/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.)	21.419	21.419	100,00
D	Chi từ nguồn chuyển nguồn, kết dư	94.247	93.577	99,29
1	Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020	50.071	50.071	100,00
2	Chi từ nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2019	44.176	43.506	98,48

BIỂU GIAO DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 2505 /BC-UBND ngày 10/12/2020 của UBND huyện Phong Thô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu tỉnh giao	Dự toán thu huyện giao			So sánh DT huyện giao/DT tỉnh giao (%)	
			Tổng cộng	Chia ra			
				NS huyện	NS xã		
A	B	1	2	3	4	5=2/1	
	TỔNG CỘNG (I.1 + II)	633.837	642.003	641.637	101.068	101,3	
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	37.200	48.709	48.343	366	130,9	
<i>I.1</i>	<i>Trong đó: Ngân sách huyện hương</i>	<i>33.600</i>	<i>41.766</i>	<i>41.400</i>	<i>366</i>	<i>124,3</i>	
-	- <i>Ngân sách huyện hương khi loại trừ thu tiền sử dụng đất</i>	28.000	28.366	28.000	366	101,3	
1	Thuế ngoài quốc doanh	19.000	19.090	19.000	90	100,5	
2	Lệ phí trước bạ	3.500	3.500	3.500		100,0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.200	1.200	1.200		100,0	
4	Phí, lệ phí	1.200	1.397	1.200	197	116,4	
-	- <i>Phí, lệ phí trung ương hương</i>	200	200	200		100,0	
-	- <i>Phí, lệ phí địa phương</i>	1.000	1.197	1.000	197	119,7	
5	Thu tiền sử dụng đất	8.000	19.143	19.143	-	239,3	
-	- <i>Ngân sách tỉnh hương</i>	2.400	5.743	5.743		239,3	
-	- <i>Ngân sách huyện hương</i>	5.600	13.400	13.400		239,3	
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.300	1.300	1.300		100,0	
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.079	3.000	79	102,6	
-	- <i>Ngân sách tỉnh hương</i>	1.000	1.000	1.000		100,0	
-	- <i>Ngân sách địa phương hương</i>	2.000	2.079	2.000	79	104,0	
II	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	600.237	600.237	600.237	100.702	100,0	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	532.306	532.306	532.306	93.333	100,0	
2	Bổ sung có mục tiêu	67.931	67.931	67.931	7.369	100,0	

Ghi chú:

- Tổng thu ngân sách địa phương đã triệt tiêu các khoản thu ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hương.

- Tại mục II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, đã triệt tiêu phần thu chuyển giao cho ngân sách xã.

**BIỂU GIAO DỤC TOÁN CHI NSDP NĂM 2021
KHỐI HUYỆN + UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN**

(Kèm theo Báo cáo số: 2505 /BC-UBND ngày 10/12/2020 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán chi ngân sách			Ghi chú
		Tổng số	Chia ra		
			NS huyện	NS xã	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	642.003	540.935	101.068	
A	CHI CÂN ĐỒI NGÂN SÁCH	642.003	540.935	101.068	
I	Chi Đầu tư phát triển	40.421	38.121	2.300	
1	Chi XDCB tập trung	27.021	26.271	750	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	13.400	11.850	1.550	Phân bổ khí đàm bảo nguồn thu
2.1	Chi đầu tư	11.700	10.150	1.550	
2.2	Chi thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất và công tác kiêm kê đất đai; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hàng năm; Cắm mốc phạm vi thu hồi đất khu trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ	1.700	1.700		
II	Chi thường xuyên và chương trình có mục tiêu	594.545	497.427	97.118	Chương trình có mục tiêu 67.931 triệu đồng
1	Sự nghiệp kinh tế	73.416	65.207	8.209	
1.1	Chi thường xuyên theo định mức	23.035	22.195	840	
-	Kinh phí mô hình khuyến nông	500	500		
-	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo QĐ 29/2016/QĐ-UBND	3.993	3.993		
-	Sự nghiệp Giao thông	5.000	5.000		
-	Sự nghiệp Thủ lợn	5.000	5.000		
-	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.000	3.000		
-	Kinh phí trồng, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh	1.000	1.000		
-	Kinh phí điện chiếu sáng	500	-	500	
-	Kinh phí chi lương, các khoản phụ cấp, đóng góp, chi thường xuyên khác cho biên chế sự nghiệp	3.307	3.307		
-	Kinh phí hoạt động của các ban chỉ đạo	735	395	340	
1.2	Sự nghiệp kinh tế khác	30.386	24.417	5.969	N/S tình bô sung có mục tiêu
-	Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND	7.000	7.000		
-	Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng, phát quang thông tầm nhìn đường tuần tra biên giới	932	932		
-	Hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường tuần tra biên giới	264	264		
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	3.100	2.500	600	
-	Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	2.090	2.090		
-	Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và các công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm trang thiết bị	17.000	11.631	5.369	
1.3	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	19.995	18.595	1.400	N/S tình bô sung có mục tiêu

STT	NỘI DUNG	Dự toán chi ngân sách			Ghi chú
		Tổng số	Chia ra		
			NS huyện	NS xã	
-	Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao (theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	13.338	13.338		
-	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	3.993	3.993		
-	- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Quả trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 (Theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	1.264	1.264		
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về xây dựng NTM gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn giai đoạn 2020-2025	1.400	-	1.400	
2	Sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	368.863	368.863		
2.1	Sự nghiệp Giáo dục	360.717	360.717		
-	Kinh phí thực hiện nâng cấp, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và đầu tư cơ sở vật chất các trường lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới	17.550	17.550	NS tinh bổ sung có mục tiêu	
2.2	Sự nghiệp đào tạo	8.146	8.146		
-	Kinh phí đào tạo theo Nghị quyết và chính sách thu hút	1.200	1.200		
-	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND	2.702	2.702		
3	Sự nghiệp Văn hóa	3.076	1.488	1.588	
4	Sự nghiệp Thể thao	837	837		
5	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	3.186	3.186		
6	Đảm bảo xã hội	11.019	9.403	1.616	
-	Kinh phí sửa chữa Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ	800	-	800	
7	Quản lý hành chính	114.223	37.979	76.244	
8	Chi an ninh - Quốc phòng	15.764	6.623	9.141	
9	Chi khác ngân sách	3.795	3.475	320	
10	Chênh lệch dự kiến tăng thu giữa dự toán tỉnh giao với dự toán Địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi (Huyện giao thu cao hơn ngân sách huyện hưởng so với dự toán tỉnh giao và thực hiện theo văn bản điều hành của bộ tài chính)	366	366		
III	Dự phòng ngân sách huyện	7.037	5.387	1.650	

